

**BÁO CÁO**  
**Về việc điều chỉnh thu, chi ngân sách và phân bổ**  
**dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022**

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 Huyện Bàu Bàng;

Căn cứ Nghị quyết 51/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về việc dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết 52/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022.

Căn cứ trên dự toán thu, chi đầu năm. UBND huyện Bàu Bàng báo cáo điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 như sau:

**I. Dự toán thu, chi ngân sách đầu năm 2022**

**1. Phần thu ngân sách**

**Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.006 tỷ 605 triệu đồng**

**Tổng thu cân đối: 708 tỷ 334 triệu đồng**

*Trong đó:*

- + Thu huyện hưởng: 314 tỷ 164 triệu đồng
- + Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 383 tỷ 170 triệu đồng
- + Thu kết dư: 11 tỷ 000 triệu đồng

**2. Phần chi ngân sách**

**Tổng chi cân đối: 708 tỷ 334 triệu đồng.**

- Chi đầu tư phát triển: 118 tỷ 646 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 573 tỷ 688 triệu đồng, gồm các khoản chi sau:
  - + Chi sự nghiệp kinh tế: 61 tỷ 800 triệu đồng.
  - + Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề: 200 tỷ 000 triệu đồng.



+ Chi sự nghiệp Y tế:	33 tỷ 000 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp VH TT:	6 tỷ 500 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp T DTT:	2 tỷ 500 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:	2 tỷ 500 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:	4 tỷ 000 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:	28 tỷ 000 triệu đồng.
+ Chi Quản lý hành chính:	68 tỷ 000 triệu đồng.
+ Chi An ninh, quốc phòng:	27 tỷ 000 triệu đồng.
+ Chi khác ngân sách:	14 tỷ 436 triệu đồng.
+ Chi ngân sách xã:	125 tỷ 952 triệu đồng.
- Dự phòng:	16 tỷ 000 triệu đồng.

### 3. Cân đối thu, chi ngân sách 2022

- Tổng thu: 708 tỷ 334 triệu đồng
- Tổng chi: 708 tỷ 334 triệu đồng
- Kết dư: Không.

## II. Dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách trong năm 2022

### 1. Phần thu ngân sách

**Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.006 tỷ 605 triệu đồng**

**Tổng thu cân đối: 708 tỷ 334 triệu đồng**

*Trong đó:*

- + Thu huyện hưởng: 314 tỷ 164 triệu đồng
- + Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 383 tỷ 170 triệu đồng
- + Thu kết dư: 11 tỷ 000 triệu đồng

### 2. Phần chi ngân sách

**Tổng chi cân đối: 708 tỷ 334 triệu đồng.**

- Chi đầu tư phát triển: 118 tỷ 646 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 580 tỷ 488 triệu đồng, gồm các khoản chi sau:
  - + Chi sự nghiệp kinh tế: 50 tỷ 500 triệu đồng.
  - + Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề: 201 tỷ 100 triệu đồng.
  - + Chi sự nghiệp Y tế: 42 tỷ 100 triệu đồng.
  - + Chi sự nghiệp VH TT: 4 tỷ 900 triệu đồng.
  - + Chi sự nghiệp T DTT: 2 tỷ 250 triệu đồng.
  - + Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 2 tỷ 750 triệu đồng.



+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:	2 tỷ 100 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:	42 tỷ 000 triệu đồng.
+ Chi Quản lý hành chính:	59 tỷ 000 triệu đồng.
+ Chi An ninh, quốc phòng:	34 tỷ 500 triệu đồng.
+ Chi khác ngân sách:	5 tỷ 401 triệu đồng.
+ Chi ngân sách xã:	133 tỷ 887 triệu đồng.
- Dự phòng:	9 tỷ 200 triệu đồng.


### 3. Cân đối thu, chi ngân sách 2022


- Tổng thu: 708 tỷ 334 triệu đồng
- Tổng chi: 708 tỷ 334 triệu đồng
- Kết dư: Không.

(Đính kèm phụ lục I, II)

Kinh phí bổ sung cho các đơn vị Ban chỉ huy quân sự, Trung tâm y tế, Phòng Lao động thương binh và xã hội và một số đơn vị khác được giao nhiệm vụ trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Trên đây là báo cáo điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng. /

Nơi nhận: 

- TT. HU; TT. HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Võ Thành Giàu

**PHỤ LỤC I**  
**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NĂM 2022**  
**HUYỆN BÀU BÀNG**

(Đính kèm Báo cáo số 16 /BC-UBND ngày 28 / 6 /2022 của UBND huyện Bầu Bàng)

ĐVT: Triệu đồng



	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán Huyện giao	Tăng (+) giảm (-)	Dự toán Huyện điều chỉnh
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>4</i>	<i>3</i>	
<b>Tổng thu NS trên địa bàn</b>	<b>995.605</b>	<b>1.006.605</b>	<b>-</b>	<b>1.006.605</b>
<b>A. Tổng thu ngân sách nhà nước từ SXKD trên địa bàn</b>	<b>612.435</b>	<b>612.435</b>	<b>0</b>	<b>612.435</b>
1. Thuế ngoài quốc doanh -	247.292	247.292	0	247.292
- Thuế môn bài				0
- Thuế giá trị gia tăng	64.786	64.786		64.786
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.152	182.152		182.152
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	47	47		47
- Thuế tài nguyên	307	307		307
- Thu khác				0
2. Thu lệ phí trước bạ	24.000	24.000		24.000
3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp				0
4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.300	1.300		1.300
5. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	153.143	153.143		153.143
<i>Trở: Thu tiền cho thuê đất, mặt nước ngoài khu CN</i>	153.143	153.143		153.143
6. Thu tiền sử dụng đất	105.000	105.000		105.000
7. Thu phí và lệ phí (bao gồm lệ phí môn bài do huyện quản lý)	6.700	6.700		6.700
<i>Trở: Huyện TTQL</i>	6.700	6.700		6.700
8. Thuế thu nhập cá nhân	55.000	55.000		55.000
9. Thu khác ngân sách	20.000	20.000		20.000
<i>Trở: Huyện TTQL</i>	20.000	20.000		20.000
10. Thu tiền cấp quyền khai thác				0
<b>B. Tổng thu ngân sách địa phương</b>	<b>697.334</b>	<b>708.334</b>	<b>0</b>	<b>708.334</b>
<b>I. Tổng các khoản thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>314.164</b>	<b>314.164</b>	<b>0</b>	<b>314.164</b>
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	205.449	205.449		205.449
2. Thu phân chia theo tỷ lệ %	108.715	108.715		108.715
<b>II. Thu bổ sung từ NS cấp trên thời kỳ ổn định giai đoạn 2017-2020</b>	<b>383.170</b>	<b>383.170</b>	<b>0</b>	<b>383.170</b>
1. Bổ sung cân đối ngân sách	382.966	382.966	0	382.966
+ <i>Bổ sung thời kỳ ổn định 2017-2020</i>				0

Chỉ tiêu	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán Huyện giao	Tăng (+) giảm (-)	Dự toán Huyện điều chỉnh
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>4</i>	<i>3</i>	
+ <i>Bổ sung thêm giai đoạn 2017-2020</i>	382.966	382.966		382.966
<i>T/đó Bổ sung cân đối do hụt thu</i>	382.966	382.966		382.966
<b>2. Bổ sung có mục tiêu</b>	204	204		204
+ <i>Bổ sung vốn đầu tư</i>				0
+ <i>Bổ sung vốn mục tiêu khác (ATGT)</i>	204	204		204
+ <i>Bổ sung chế độ chính sách mới</i>				0
<b>III. Thu kết dư (Huy động kết dư)</b>	<b>0</b>	<b>11.000</b>	<b>0</b>	<b>11.000</b>
+ <i>Chi CCTL</i>				0
+ <i>Chi đầu tư công</i>		11.000		11.000
+ <i>Chi SC, BT, NC, CT, MR (Kết dư Các xã, TT)</i>				0
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>				0
<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>				0
<b>Tổng thu</b>	<b>697.334</b>	<b>708.334</b>	<b>0</b>	<b>708.334</b>
50% dự toán 2022 so DT 2020 dành nguồn CCTL				0
<b>Tổng thu Cân đối</b>	<b>697.334</b>	<b>708.334</b>	<b>0</b>	<b>708.334</b>
<b>Tổng chi cân đối</b>	<b>697.334</b>	<b>708.334</b>	<b>0</b>	<b>708.334</b>
<b>Bội thu (+) Bội chi (-)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**PHỤ LỤC II**  
**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022**  
**HUYỆN BÀU BÀNG**

(Đính kèm Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện Bầu Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán Huyện giao	Tăng (+) giảm (-)	Dự toán Huyện điều chỉnh
1	2	4	3	
<b>Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV+V+VI)</b>	<b>697.334</b>	<b>708.334</b>	<b>0</b>	<b>708.334</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>108.646</b>	<b>118.646</b>	<b>0</b>	<b>118.646</b>
- Vốn xổ số kiến thiết				
- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ				
- Vốn phân cấp theo tiêu chí	108.646	108.646		108.646
- Vốn ngân sách huyện		10.000		10.000
- Bổ sung có mục tiêu (NTM 1 xã, ATGT)				0
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>574.725</b>	<b>573.688</b>	<b>6.800</b>	<b>580.488</b>
1. Chi sự nghiệp kinh tế	127.673	61.800	-11.300	50.500
- Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi		12.000	-2.700	9.300
- Chi sự nghiệp giao thông		20.000	-1.900	18.100
- Chi kiến thiết thị chính		2.800	-2.800	0
- Chi SN môi trường	35.110	22.000		22.000
- Chi sự nghiệp kinh tế khác		5.000	-3.900	1.100
2. SN giáo dục - đào tạo dạy nghề	166.459	200.000	1.100	201.100
- Sự nghiệp giáo dục				0
- SN giáo dục - đào tạo dạy nghề				0
3. SN Y Tế	21.630	33.000	9.100	42.100
4. Chi SN VH TT	7.321	9.000	-1.850	7.150
- SN VH TT	5.806	6.500	-1.600	4.900
- SN TDTT	1.515	2.500	-250	2.250
5. SN Phát thanh truyền hình	5.672	2.500	250	2.750
6. SN khoa học công nghệ	700	4.000	-1.900	2.100
7. Chi đảm bảo xã hội	27.173	28.000	14.000	42.000
8. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	80.929	68.000	-9.000	59.000
- Quản lý nhà nước				
- Đảng				
- Đoàn thể và các tổ chức xã hội				
9. Chi an ninh quốc phòng	49.428	27.000	7.500	34.500

Chỉ tiêu	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán Huyện giao	Tăng (+) giảm (-)	Dự toán Huyện điều chỉnh
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>4</i>	<i>3</i>	
- An ninh	20.453	12.000		12.000
- Quốc phòng	28.975	15.000	7.500	22.500
10. Chi khác ngân sách	87.740	14.436	-9.035	5.401
11. Chi NS xã (Có 1 tỷ đồng vốn thưởng NTM xã TVT)		125.952	7.935	133.887
<b>III. Chi tạm ứng</b>				
<b>IV. Chi chuyển nguồn</b>				
<b>V. Dự phòng</b>	<b>13.759</b>	<b>16.000</b>	<b>-6.800</b>	<b>9.200</b>
- Dự phòng cấp huyện	13.759	13.410	-6.800	6.610
- Dự phòng cấp xã, TT		2.590		2.590
<b>VI. Chi tạo nguồn CCTL</b>				
<b>VII. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Từ nguồn NS cấp tỉnh BS có mục tiêu)</b>	<b>204</b>	<b>0</b>		
- Kinh phí ATGT	204			